

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành **đào tạo**: Công nghệ thông tin

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

1. Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin

2. Mã học phần: TANH 302

3. Số tín chỉ: 03 (3,0)

4. Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ 3

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành xong học phần tiếng Anh 4

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913601619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Các công việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận của máy tính, máy tính trong lĩnh vực giao tiếp, Internet và emails, website, an ninh mạng và cung cấp cho sinh viên cấu trúc câu với động từ to be, thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, các loại câu so sánh, các cấu trúc câu diễn đạt nguyên nhân, lí do, tình trạng, yêu cầu trong lĩnh vực chuyên ngành công nghệ thông tin. Đặc biệt, học phần tăng cường luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được các từ vựng tiếng Anh về nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận, linh kiện của máy	3	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	tính, mạng, thư điện tử, website, cơ sở dữ liệu, an ninh mạng...		
MT1.2	Nêu được cách sử dụng của các thì trong tiếng Anh, các cấu trúc câu so sánh, câu yêu cầu, câu miêu tả nhiệm vụ, tình trạng, giải pháp, gợi ý...	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, nghe hiểu và đọc hiểu các bộ phận, linh kiện của máy tính trong các lĩnh vực của đời sống khoa học, giao tiếp các thông tin có liên quan đến máy tính.	4	[1.2.2.4]
MT2.2	Viết được đoạn văn miêu tả về các bộ phận, đặc điểm, lợi ích, yêu cầu, giải pháp liên quan đến máy tính và lĩnh vực công nghệ thông tin.	4	[1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.1	Có khả năng hiểu và sử dụng các thì trong tiếng Anh, các cấu trúc câu so sánh, câu yêu cầu, câu miêu tả nhiệm vụ, tình trạng, giải pháp, gợi ý...	3	[2.1.3]
CĐR1.2	Trình bày được các từ vựng chỉ nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận, linh kiện của máy tính, mạng, thư điện tử, website, cơ sở dữ liệu, an ninh mạng...	3	[2.1.3]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Có khả năng miêu tả về các bộ phận, lợi ích, yêu cầu, giải pháp liên quan đến máy tính và lĩnh vực công nghệ thông tin.	4	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách rõ ràng, lưu loát về các chủ đề đã được thực hành trên lớp.	4	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Part 1 Unit 1: Working in the IT industry 1.1. Meeting people 1.2. Jobs in IT 1.3. Schedules 1.4. Spelling 1.5. Business matters	x	x	x	x	x		x

2	Unit 2: Computer systems 2.1. Computer hardware 2.2. Computer software 2.3. Working with computers 2.4. Computer usage 2.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 3: Websites 3.1. Website purpose 3.2. Website analytics 3.3. Website development 3.4. The best websites 3.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
4	Unit 4: Databases 4.1. Database basics 4.2. Data processing 4.3. Data storage and back-up 4.4. Database systems benefits 4.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
5	Unit 5: E-commerce 5.1. E-commerce companies 5.2. E-commerce features 5.3. Transaction security 5.4. Online transactions 5.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
6	Unit 6: Network systems 6.1. Types of network	x	x	x	x	x	x	x

	6.2. Networking hardware 6.3. Talking about the past 6.4. Network range and speed 6.5. Business matters							
7	Unit 7: IT support 7.1. Fault diagnosis 7.2. Software repair 7.3. Hardware repair 7.4. Customer service 7.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
8	Unit 8: IT security and safety 8.1. Security solutions 8.2. Workstation health and safety 8.3. Security procedures 8.4. Reporting incidents 8.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
9	Part 2 Unit 1: Working in IT 1.1. IT jobs and duties 1.2. IT organisations 1.3. IT workplace rules 1.4. Meetings 1.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
10	Unit 2: IT systems 2.1. System specifications 2.2. GUI operations	x	x	x	x	x	x	x

	2.3. Multimedia hardware 2.4. Operating systems 2.5. Business matters							
11	Unit 3: Data communication 3.1. Internet browsing 3.2. Networks 3.3. Mobile computing 3.4. Email 3.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
12	Unit 4: Administration 4.1. Spreadsheets and formulae 4.2. Databases 4.3. Systems administration 4.4. Peripherals 4.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
13	Unit 5: Choice 5.1. Web hosting 5.2. IT costs 5.3. Product research 5.4. Making recommendations 5.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
14	Unit 6: Interactions 6.1. Enterprise social media 6.2. Video conferencing 6.3. E-commerce 6.4. Training users 6.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20 %	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30 %	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50 %	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 theo chương trình học phần, trong quá trình kiểm tra sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm các dạng bài:

- + Chọn đáp án đúng
- + Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi
- + Điền từ
- + Hoàn thành câu

- Điểm chấm bài kiểm tra giữa học phần được đánh giá theo đáp án.

- Thi kết thúc học phần diễn ra sau khi kết thúc học phần 1 tuần (theo kế hoạch của phòng Quản lý đào tạo). Trước khi thi sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi. Đề thi được trưởng bộ môn và phòng Quản lý chất lượng chọn một cách ngẫu nhiên và được bảo mật. Trong quá trình thi, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kết thúc học phần gồm các dạng bài sau:

- + Chọn đáp án đúng
- + Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi

+ Điền từ

+ Hoàn thành câu

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ, đọc bài đọc, viết lại câu..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên trình bày phân tích cấu trúc câu, bài đọc, sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các vấn đề và thảo luận để hiểu các nội dung chính bài học được đề cập dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học.

Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên, hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Anh trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc ngữ pháp. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, các bài đọc có liên quan đến chủ đề bài học.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu học tập:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] Maja Olejniczak, *English for Information technology 1&2*, Pearson Longman

- **Tài liệu tham khảo:**

[2] Raymond Murphy, *English grammar in use*, Cambridge Press

15. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<p>Part 1</p> <p>Unit 1 : Working in the IT industry</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ to be, thì hiện tại đơn. - Hội thoại giới thiệu bản thân, làm quen, miêu tả về thói quen hàng ngày <p>Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Meeting people 1.2. Jobs in IT 1.3. Schedules 1.4. Spelling 1.5. Business matters 	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ mới chỉ nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin [1] - Tìm hiểu cách sử dụng động từ to be, thì hiện tại đơn trong tài liệu [2] - Viết 1 email giới thiệu bản thân và các thành viên trong nhóm
2	<p>Unit 2: Computer systems</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ các bộ phận của máy tính - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh, thì hiện tại tiếp diễn và các động từ khuyết thiếu trong tiếng Anh. - Hội thoại giới thiệu về phần cứng và phần mềm của máy tính <p>Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Computer hardware 2.2. Computer software 2.3. Working with computers 2.4. Computer usage 2.5. Business matters 	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ mới chỉ các bộ phận của máy tính [1] - Tìm hiểu khái niệm về máy tính và phần cứng trên mạng Internet - Tìm hiểu cấu trúc câu so sánh, thì hiện tại tiếp diễn trong tài liệu [2]
3	<p>Unit 3: Websites</p> <p>Mục tiêu:</p>	3	0	[1]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ mới liên quan đến website

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến website - Hiểu và thành lập cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi. - Mô tả các bước trong một quy trình <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Website purpose 3.2. Website analytics 3.3. Website development 3.4. The best websites 3.5. Business matters 			[2]	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
4	<p>Unit 4: Databases</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến cơ sở dữ liệu - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu đưa ra lời khuyên. - Miêu tả các bước trong xử lý dữ liệu, các thiết bị lưu trữ <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Database basics 4.2. Data processing 4.3. Data storage and back-up 4.4. Database systems benefits 4.5. Business matters 	3	0	[1]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng về cơ sở dữ liệu - Tìm hiểu cấu trúc câu đưa ra lời khuyên trên mạng internet - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
5	<p>Unit 5: E-commerce</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ các loại thương mại điện tử - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ nối và thì tương lai đơn - Miêu tả các đặc điểm của trang web thương mại điện tử, nói về an ninh mạng và mô tả quy trình giao dịch 	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng chỉ các loại thương mại điện tử - Tìm hiểu về các từ nối và thì tương lai đơn trong tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1. E-commerce companies</p> <p>5.2. E-commerce features</p> <p>5.3. Transaction security</p> <p>5.4. Online transactions</p> <p>5.5. Business matters</p>				
6	<p>Unit 6: Network systems</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến mạng internet - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu đưa ra gợi ý, thì quá khứ đơn. - Miêu tả đặc điểm và khả năng của mạng internet <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1. Types of network</p> <p>6.2. Networking hardware</p> <p>6.3. Talking about the past</p> <p>6.4. Network range and speed</p> <p>6.5. Business matters</p>	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng liên quan đến mạng internet - Tìm hiểu cấu trúc câu đưa ra gợi ý và thì quá khứ đơn trong tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trong tài liệu [1]
7	<p>Unit 7: IT support</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến các lỗi máy tính và cách khắc phục - Hiểu và sử dụng thành thạo thì hiện tại hoàn thành - Miêu tả các lỗi máy tính và cách khắc phục <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.1. Fault diagnosis</p> <p>7.2. Software repair</p> <p>7.3. Hardware repair</p> <p>7.4. Customer service</p> <p>7.5. Business matters</p>	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng và thuật ngữ liên quan đến các lỗi máy tính và cách khắc phục - Tìm hiểu thì hiện tại hoàn thành trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
8	Ôn tập và kiểm tra giữa học phần	3	0	[1] [2]	- Ôn tập các nội dung từ bài 1 đến bài 7 - Hoàn thành đề cương ôn tập giữa học phần
9	Unit 8: IT security and safety Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến an ninh mạng - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu miêu tả khả năng, sự cảm đoán. - Miêu tả đặc điểm của hệ thống an ninh mạng Nội dung cụ thể: 8.1. Security solutions 8.2. Workstation health and safety 8.3. Security procedures 8.4. Reporting incidents 8.5. Business matters	3	0	[1]	- Liệt kê các từ vựng về an ninh mạng - Tìm hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu miêu tả khả năng, sự cảm đoán qua mạng internet. - Hoàn thành bài tập trong tài liệu [1]
10	Part 2 Unit 1: Working in IT Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến công việc và trách nhiệm của một số nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Hiểu và sử dụng thành thạo thì hiện tại đơn, động từ khuyết thiếu và mệnh lệnh - Miêu tả các quy tắc làm việc, đưa ra gợi ý, trình bày quan điểm cá nhân Nội dung cụ thể: 1.1. IT jobs and duties 1.2. IT organisations	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến công việc và trách nhiệm của một số nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Tìm hiểu thì hiện tại đơn, động từ khuyết thiếu và mệnh lệnh trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.3. IT workplace rules 1.4. Meetings 1.5. Business matters				
11	<p>Unit 2: IT systems</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến mô tả phần cứng, GUI và đa phương tiện - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu đưa ra lời chỉ dẫn, mục đích, lý do. - Miêu tả cách cài đặt OS <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1. System specifications 2.2. GUI operations 2.3. Multimedia hardware 2.4. Operating systems 2.5. Business matters 	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng liên quan đến mô tả phần cứng, GUI và đa phương tiện - Tìm hiểu cấu trúc câu đưa ra lời chỉ dẫn, mục đích, lý do. - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
12	<p>Unit 3: Data communication</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến mạng internet, các thiết bị di động, email - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, sử dụng câu điều kiện loại 1, đại từ quan hệ - Miêu tả những tiện ích của các thiết bị di động <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Internet browsing 3.2. Networks 3.3. Mobile computing 3.4. Email 3.5. Business matters 	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng liên quan đến mạng internet, các thiết bị di động, email - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, sử dụng câu điều kiện loại 1, đại từ quan hệ trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
13	<p>Unit 4: Administration</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến quản trị mạng internet, cơ sở dữ liệu - Hiểu và sử dụng thành thạo thì quá khứ đơn, phân biệt thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn - Miêu tả được các tình trạng vấn đề xảy ra <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1. Spreadsheets and formulae 4.2. Databases 4.3. Systems administration 4.4. Peripherals 4.5. Business matters</p>	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng về quản trị mạng internet, cơ sở dữ liệu - Tìm hiểu thì quá khứ đơn, phân biệt thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
14	<p>Unit 5: Choice</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến phần mềm CAD, chi phí sản phẩm - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh, câu hỏi gián tiếp - Miêu tả đặc điểm, giá cả, chi phí của các sản phẩm <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1. Web hosting 5.2. IT costs 5.3. Product research 5.4. Making recommendations 5.5. Business matters</p>	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng liên quan đến phần mềm CAD, chi phí của sản phẩm - Tìm hiểu cấu trúc câu so sánh, câu hỏi gián tiếp trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
15	<p>Unit 6: Interactions</p> <p>Mục tiêu:</p>	3	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng liên quan đến video, thương mại điện tử

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến video, thương mại điện tử - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu điều kiện loại 2 - Miêu tả đặc điểm và tiện ích của video <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 6.1. Enterprise social media 6.2. Video conferencing 6.3. E-commerce 6.4. Training users 6.5. Business matters 				<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu điều kiện loại 2 trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
16	Ôn tập và phụ đạo			[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập lại các cấu trúc ngữ pháp từ Unit 1 đến Unit 14 - Hệ thống lại các từ vựng theo chủ đề từng bài học - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

TRƯỜNG KHOA TRƯỜNG BỘ MÔN

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn



Nguyễn Đăng Tiến



Trịnh Thị Chuyên